



Chương IV

Diệu Đế Thứ Ba

(*Chân lý về Sự Chấm Dứt Khổ*)

Diệu Đế Thứ Ba là: có sự thoát khỏi, có sự tự do, có sự giải thoát khỏi sự “Khổ”. Đó là sự chấm-dứt sự liên tục của “Khổ”. Diệu Đế này là “chân lý” về sự Chấm-Dứt Khổ (*Dukkha-nirodha-ariyasacca*). Đó là Niết-bàn (*Nibbāna*).

Để chấm dứt sự *Khổ* một cách hoàn toàn thì rõ ràng chúng ta phải loại trừ tận gốc nguyên-nhân gây ra *Khổ*—đó chính là *Dục-Vọng* (*tanhā*) mà chúng ta mới thảo luận trong chương kể trước. Vì vậy, chữ *Niết-bàn* cũng được gọi là “*tanha-kkhaya*”: *sự tắt ngấm dục-vọng*, hay *sự diệt-ái*.

+ Bây giờ bạn sẽ đặt câu hỏi: *Nhưng Niết-bàn là gì?* Đã tồn rất nhiều giấy mực sách vở được viết ra nhằm trả lời cho câu hỏi tự nhiên và đơn giản này, tuy nhiên những cách đó chỉ càng ngày càng làm cho vấn đề thêm rắc rối phức tạp hơn, thay vì có thể làm sáng tỏ *Niết-bàn* đích thực là gì.

Chỉ có một cách trả lời hợp lý nhất đó là: Câu hỏi này không bao giờ có thể được trả lời cho được đầy đủ và thỏa đáng bằng ngôn ngữ, bởi vì ngôn ngữ của con người là quá nghèo nàn nên không thể diễn đạt cho được bản chất đích thực của Sự Thật Tuyệt Đối, đó là Niết-bàn.

Ngôn ngữ được tạo ra và sử dụng bởi con người chúng ta để diễn đạt những sự vật, sự việc, và ý tưởng theo cách trải nghiệm và

nhận thức của những giác-quan và tâm-trí của con người. Còn sự trải nghiệm siêu phàm siêu thế như sự trải nghiệm về Sự Thật Tuyệt Đối thì không thể nhận thức được bằng các giác-quan hay tâm-trí một cách dễ dàng. Do vậy, không thể có ngôn từ nào diễn tả được sự trải nghiệm tuyệt đối đó, cũng như con cá không thể có ngôn từ nào trong ngôn ngữ của nó để diễn tả về đất đai trên bờ (vì *nó chưa bao giờ có trải nghiệm bước đi trên đất liền!*).

Con rùa kể cho người bạn Cá rằng Rùa mới quay trở lại hồ nước sau một cuộc ‘đi bộ trên đất liền’. Cá liền nói: “À, ý của bạn là bạn đã ‘bơi’ phải không”. Con Rùa cố gắng giải thích cho Cá là không thể nào ‘bơi’ trên đất liền được, vì đất là thể cứng, và ai cũng đi bộ trên mặt đất. Nhưng Cá thì cứ khẳng khẳng rằng không thể tồn tại thứ gì như kiểu ‘mặt đất’ đó, nó phải là thể lỏng như nước hồ, có sóng, và ai cũng có thể bơi lặn trong đó. (Kiểu như: người phạm tục ở trần gian với những khái-niệm phạm tục mà muốn hiểu trạng thái siêu trần gian và vượt khỏi khái-niệm phạm tục thì đâu thể được. Người không chứng ngộ trạng thái Niết-bàn thì không thể hiểu Niết-bàn, cũng như Cá ở trong cảnh giới nước thì không thể hiểu cảnh giới trên mặt đất).

Ngôn từ chỉ là những biểu tượng dùng để thể hiện những sự vật và ý tưởng mà chúng ta biết được; nhưng những biểu tượng đó không và nhiều khi còn **không thể** chuyển tải bản chất đích thực của ngay cả những sự vật thông thường. Ngôn ngữ được xem là đánh lừa, làm lạc hướng con người nên con người khó mà có thể hiểu được Sự Thật chân như. Vì vậy, *Kinh Lăng Già* của Đại Thừa (*Lankavatara-sutra*) có ghi rằng: “*Kẻ ngu bị mắc bẫy trong ngôn từ, như con voi mắc lầy.*”¹

¹ *Kinh Lăng-Già* (Lanka Sutra), trang 113.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể làm gì được nếu không có ngôn ngữ. Nhưng mà, khi chữ Niết-bàn được diễn đạt và giải thích bằng những ngôn từ ở thể khẳng-định, thì hầu như lập tức chúng ta sẽ dễ chụp lấy một ‘ý tưởng’ dính liền với những từ ngữ đó, thậm chí có khi lại là một ‘ý tưởng’ có thể hoàn toàn ngược lại.

Do vậy, Niết-bàn đã thường được diễn tả bằng những ngôn từ ở dạng phủ định:² có lẽ đây là cách ít nguy hiểm hơn. Vì vậy, nó (Niết-bàn) thường được nói đến bằng chữ phủ định như: *Tanha-kkhaya* (sự tắt ngấm dục vọng, sự diệt-ái), *Asamkhata* (sự không còn điều-kiện, sự vô-vi), *Virāga* (sự hết tham-muôn; sự vắng-dục), *Nirodha* (sự chấm-dứt, sự diệt), *Nibbāna* (sự thôi-tắt, sự tắt-đi, sự tắt-ngấm).

+ Bây giờ chúng ta cùng xem xét một số lời định nghĩa và mô tả sau đây về Niết-bàn, như chúng được thấy ghi trong các kinh nguyên thủy Pāli:

— “(Niết-bàn) chính là sự chấm-dứt hoàn toàn “dục-vọng” đó (*tanhā*; sự thèm khát), sự từ-bỏ nó, sự buông-bỏ nó, sự giải-thoát khỏi nó, sự tách-ly khỏi nó.”³

² Thực ra cũng có một số chữ mang nghĩa khẳng định đã được dùng để diễn tả *Niết Bàn*, ví dụ như: *Siva* (Sự mang lại điều lành), *Khema* (Sự an-toàn), *Suddhi* (Sự tinh-khiết, Sự thanh-tịnh), *Dipa* (Hòn đảo), *Sarama* (Nơi nương tựa), *Tana* (Sự Bảo vệ), *Para* (Bờ bên kia; Bể ngạn); *Santi* (Sự bình-an, Sự tĩnh-mặc).

- Có 33 chữ đồng nghĩa chỉ “*Niết-bàn*” trong chương *Liên-kết* “*Vô-Vi*” (*Asamkhata-samyutta*”, tức chương 43 của *Bộ Kinh Liên-Kết (SN)*). Hầu hết những chữ đó đều mang ý nghĩa ẩn dụ. (Các kinh SN 43:01—44, Quyển 4).

³ Mhvg (Alutgama, 1922) trang 10; SV tr 421. Thật **lý thú** khi biết rằng định nghĩa về *Sự Diệt Khổ (Nirodha)* trong *Bài Thuyết Giảng Đầu Tiên* của Đức

— “Sự làm lằng-lộn mọi sự có điều-kiện (hết trạng thái hữu-vi, thành vô-vi), sự dẹp-bỏ mọi ô-nhiễm, sự tắt ngấm dục-vọng, sự giải-thoát, sự chấm-dứt, Niết-bàn”.⁴

— “Này các Tỳ kheo, cái gì là sự Vô-Vi [Tuyệt Đối]? (*Asamkhata*: sự không còn điều-kiện, sự không còn hữu-vi). Này các Tỳ kheo, đó là sự không-còn tham (*rāga-kkhayo*), sự không-còn sân (*dosa-kkhayo*), sự không-còn si (*moha-kkhayo*). Điều này gọi là sự Vô-Vi.”⁵

— “Này Rādhā, sự tắt-ngấm dục-vọng (*tanha-kkhayo*, ái diệt) là Niết-bàn.”⁶

— “Này các Tỳ kheo, trong tất cả các pháp, dù là hữu vi hay vô vi, thì trong đó tách-ly tham (*viraga*) là cao quý nhất. Để nói đó là, sự thoát-khỏi sự tự-ta (ngã mạn), sự tiêu-diệt dục-vọng⁷ (ái tận), sự bùng-bỏ sự dính-chấp (phá thủ), sự cắt-đứt sự liên-tục, và sự tắt-bặt sự thêm-khát (hết dục), sự từ-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.”⁸

— Khi có một du sĩ ngoại đạo (*parivrajaka*) hỏi Niết-bàn là gì, ngài Xá-Lợi-Phất, vị đệ tử lỗi lạc của Phật, cũng đã trả lời giống như định nghĩa về sự vô-vi (*asamkhata*) như Đức Phật đã nói (ở trên): đó là sự (tắt ngấm) không-còn tham, sự không-còn sân, sự không-còn si.

Phật tại khu Vườn Nai ở Sarnath không hề có chữ “*Niết-bàn*” nào cả, mặc dù định nghĩa của nó thì cũng có nghĩa đó (Niết-bàn)!

⁴ S I, trang 136.

⁵ Ibid IV, trang 359.

⁶ Ibid III, trang 190.

⁷ Ở đây, chữ gốc là *pipasa* có nghĩa là “sự thêm-khát”, tức dục-vọng.

⁸ A (PTS) II, trang 34.

— “Sự tắt ngấm tham muốn, sự tắt ngấm sân hận, sự tắt ngấm si mê (*sự dập tắt Tham, Sân, Si*).”⁹

— “Sự dẹp-bỏ và tiêu-diệt tham-muốn và dục-vọng đối với Năm Uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn): đó là sự chấm-dứt *Khổ*.”¹⁰

— “Sự chấm-dứt sự hiện-hữu (*bhavanirodha*) là Niết-bàn”.¹¹

+ Và thêm nữa, khi nói về “*Niết-bàn*”, Đức Phật đã nói:

— “Này các Tỳ kheo, có những thứ không (còn) được sinh, không được sinh trưởng, không bị điều-kiện (vô vi). Nếu không có những thứ không (còn) được sinh, không được sinh trưởng, không bị điều-kiện (vô vi), thì sẽ không có lối-thoát cho những thứ (còn) được sinh, được sinh trưởng, và bị điều-kiện (hữu vi). Nhưng bởi vì có những thứ không (còn) được sinh, không được sinh trưởng, không bị điều-kiện (vô vi), nên có lối-thoát cho những thứ (còn) được sinh, được sinh trưởng, và bị điều-kiện (hữu vi).”¹²

— “Ở đây (trạng thái Niết-bàn), bốn yếu tố tứ đại đất, nước, lửa và gió không có chỗ; những ý niệm về chiều dài và rộng, sự tinh tế và thô sơ, sự xấu và tốt, tên (danh) và hình-thức (sắc) tất cả đều bị hủy diệt; không còn thế giới này hay cảnh giới nào; không còn sự đến, sự-đi, sự-đứng; không còn sự chết hay sự sống; không còn những đối-tượng giác quan.”¹³

⁹ S (PTS) IV, trang 251.

¹⁰ Lời của ngài Xá-Lợi-Phất (Sariputta). MI (PTS) trang 191.

¹¹ Lời của ngài Musila, một đệ tử khác của Đức Phật. S II (PTS) trang 117.

¹² Ud (Colombo, 1929) trang 129.

¹³ Ibid, trang 128; D I (Colombo, 1929) trang 172.

Bởi vì *Niết-bàn* được diễn tả bằng thể “*phủ định*” như vậy, cho nên rất nhiều người nhầm tưởng rằng nó là phủ định, là tiêu cực và biểu lộ sự diệt-vong của bản ngã. *Niết-bàn* chắc chắn không phải là sự hủy-diệt cái ‘ngã’ hay cái ‘Ta’, bởi vì làm gì có cái ‘Ta’ hay bản ‘ngã’ nào để hủy diệt. Nếu có đi chăng nữa, thì đó là sự hủy-diệt cái *ảo-tưởng* (si mê), là sự hủy-diệt cái *ý tưởng sai lầm về cái ‘Ta’* (thân kiến, ngã kiến) mà thôi. Nếu nói rằng *Niết-bàn* là tiêu cực hay tích cực thì không đúng. Nhưng cái ý tưởng về nghĩa ‘tiêu cực’ hay ‘tích cực’ đều chỉ là tương đối (do so sánh mà có) và chúng đều thuộc phạm vi của hai mặt đối đãi, nhị nguyên. Những từ ngữ (đối đãi, nhị nguyên) đó không thể nào có thể được dùng để mô tả *Niết-bàn* hay *Sự Thật Tuyệt Đối* cho được, vì *Niết-bàn* và *Sự Thật Tuyệt Đối* vượt trên khỏi sự so sánh, đối đãi, nhị nguyên.

Một ngôn từ phủ định không nhất thiết chỉ để chỉ một trạng thái phủ định. Ví dụ trong tiếng Pāli hay tiếng Phạn thì chữ để chỉ “*sức khỏe*” là *arogya* lại là một chữ ở thể phủ định, có nghĩa là “*sự không bệnh đau*”. Nhưng chữ *arogya* (sức khỏe, không bệnh đau) không diễn tả một trạng thái phủ định hay tiêu cực. Chữ “*bất tử*” [tiếng Anh là: *im-mortal*, tiếng Phạn là: *Amrta*, tiếng Pāli là: *Amata*] cũng là một chữ ở thể phủ định, nó đồng nghĩa với chữ “*Niết-bàn*”, nhưng nó không diễn tả một trạng thái phủ định hay tiêu cực. *Sự phủ-định của phủ-định thì không phải là phủ-định!* Một trong những từ đồng nghĩa với “*Niết-bàn*”, là chữ ‘*Sự giải-thoát*’, tức ‘*Sự tự-do*’ (tiếng Pāli: *Mutti*, tiếng Phạn: *Mukti*). Không ai có thể nói rằng “sự giải-thoát” hay “sự tự-do” là tiêu cực cho được. Ngay cả sự giải-thoát hay sự tự-do có mặt tiêu cực đi chăng nữa thì đó cũng là sự giải-thoát, sự tự-do *khỏi* những cái gì chướng-ngại, khỏi những điều xấu hay điều tiêu cực mà thôi. Nhưng bản thân “sự giải thoát” hay “sự tự do” thì không phải là tiêu cực.

Vì vậy, “Niết-bàn”, *Mutti* hay *Vimutti*, *Sự Tự-Do Tuyệt Đối* là sự tự do *khỏi* mọi sự xấu-ác, *khỏi* tham, sân, si; sự thoát khỏi những điều thuộc về sự hai-mặt đối đãi, nhị nguyên, sự tương-đối, thời gian và không gian.

[+] Chúng ta có thể tìm thấy thêm ý-tưởng về “Niết-bàn” là *Sự-Thật Tuyệt Đối* trong bài kinh “*Phân Giải về Những Yếu-Tố*” (*Dhātu-vibhanga Sutta*; kinh Phân Biệt Giới, MN 140). Bài kinh rất quan trọng này đã được Phật nói cho tu sĩ **Pukkusāti** (như đã được kể trước đây trong Chương II), người mà Đức Phật gặp trong xưởng gốm vào cái đêm yên tĩnh đó, và lúc đó Phật đã nhận thấy anh ta là có trí và nhiệt thành. Rút ra đại ý một số điều cốt lõi trong bài thuyết giảng mà Phật đã nói cho Pukkusāti là như vậy:

“Này Tỳ kheo, một cá nhân này gồm có sáu yếu-tố (sáu giới): yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố lửa (nhiệt), yếu-tố gió (khí), yếu-tố không gian, và yếu-tố thức ... Một người phân tích và hiểu đúng như chúng thực là: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy, bằng trí-tuệ chánh đứng, đúng như nó thực là như vậy, người đó trở nên tỉnh-ngộ [không còn mê đắm] với những yếu-tố đó ... Một người hiểu: thức xuất hiện (sinh) và biến mất (diệt) như thế nào, những cảm-giác dễ chịu, khó chịu và trung tính xuất hiện (sinh) và biến mất (diệt) như thế nào ... Sau khi biết được như vậy, tâm người ấy được giải thoát. Rồi chỉ còn lại sự buông-xả (*upekkhā*), đã được thanh lọc và sáng tỏ ... và người đó có thể hướng (tâm) tới sự chứng đắc bất kỳ trạng thái tâm linh cao siêu nào, và người đó biết

sự buông-xả đó có thể kéo dài trong một thời gian rất lâu.”¹⁴ Nhưng rồi người đó biết nghĩ:

“Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới không vô biên xứ và tu tập tâm của tôi theo đó, thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi; *samkhatam*).”¹⁵

“Nếu tôi hướng sự buông-xả này, đã được thanh lọc và sáng tỏ như vậy, tới thức vô biên xứ (cảnh xứ của thức vô-biên) ... tới vô sở hữu xứ (cảnh xứ trống-không) ... tới phi tưởng phi phi tưởng xứ (cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức) và tu tập tâm của tôi theo đó, thì (cảnh xứ) này là có điều-kiện (hữu vi; *samkhatam*).”

“(Cho nên) người đó không tạo tác điều-kiện (duyên) nào hay tạo ra sự cố-ý (tư, ý hành) nào hướng tới sự hiện-hữu hay sự phi hiện-hữu.”¹⁶

¹⁴ (Chữ *Upekkha* = Upa: vô tư, -ikkha: thấy, nhìn): có nghĩa là: nhìn sự vật diễn tiến một cách vô tư; đó là sự xả-bỏ, sự buông-xả; đó là tâm tính thứ tư trong *Tứ Vô Lượng Tâm*: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Nhưng ở đây là chỉ sự buông-xả tinh khiết trong trạng thái tăng thiền định sắc giới thứ tư. Và “*kéo dài trong một thời gian rất lâu*” có nghĩa là người đó được tái sinh trong cảnh giới vô-sắc với tuổi thọ rất rất dài (20 hay 40 hay 60 ngàn đại-kiếp); nhưng do người đó biết đó cũng là cảnh giới có điều-kiện (hữu vi) và vô thường, hết tuổi thọ cũng bị tái sinh lại trong những cõi đầy đọa thấp hơn. Cho nên “*Nhưng rồi người đó nghĩ ...*”).

¹⁵ Lưu ý, tất cả những trạng thái tâm linh và huyền vi (như các tầng chứng đắc thiền định), tuy có thể là thanh khiết và cao siêu, đều là *những sự tạo-tác của tâm*, còn bị chi phối bởi các điều-kiện (hữu vi, *samkhata*). Chúng không phải là một Thực Tại vô vi, không phải là Chân Lý (*sacca*).

¹⁶ Điều này có nghĩa rằng người đó không tạo ra nghiệp mới, bởi vì giờ đây anh ta giải thoát khỏi dục-vọng, tham-muốn, sự cố-ý (tư).

“Vì người đó không tạo tác điều-kiện (duyên) nào hay tạo ra sự cố-ý (tư) nào hướng tới sự hiện-hữu hay sự phi hiện-hữu, cho nên người đó không dính-chấp (vô thủ) vào bất cứ thứ gì trong thế gian này. Khi người đó không dính-chấp gì, thì người đó không bị khích-động. Khi người đó không bị khích-động, thì người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu như vậy: ‘*Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.*’¹⁷

“Bây giờ, nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng ... khổ ... trung tính, người đó hiểu: ‘Nó là vô-thường; không có sự nắm giữ nó; không có sự thích thú nó.’ ... Người đó thấy tách-ly với chúng (không dính líu gì mình, *visamyutto*) ... Khi người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, cùng với sự kết thúc mạng sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’ ... giống như ngọn lửa sẽ tắt đi khi dầu cạn tim hết.

“Do vậy, một Tỳ kheo có được [trí-tuệ này] là có được *nền-tảng tối thượng là trí-tuệ*. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là loại trí-tuệ thánh thiện tối thượng, được gọi là, trí-biết về sự diệt-khổ hoàn toàn.

“Sự giải-thoát của người đó, được căn cứ trên sự-thật, là không thể lay chuyển. Bởi vì, này Tỳ kheo, điều gì là sai giả (*mosadhamma*) thì nó có bản chất đánh lừa, và thứ gì là không sai giả (*amosadhamma*) thì nó có bản chất không đánh lừa—đó là Niết-bàn. Bởi vậy một Tỳ kheo có được [sự-thật này] là có được *nền-tảng tối thượng là sự-thật*. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự-thật thánh thiện tối thượng (*paramam ariya-saccam*), được gọi là, Niết-bàn, có bản chất không đánh lừa.

¹⁷ Có nghĩa lúc này người đó đã thành một A-la-hán.

+ Trong những lần thuyết giảng khác, Đức Phật trước sau cũng đều sử dụng từ “*Sự Thật*” để thay cho “*Niết-bàn*”:

“Ta sẽ dạy cho các thầy Sự Thật và Con Đường dẫn đến Sự Thật”¹⁸—thì ở đây nhất định chữ “*Sự Thật*” có nghĩa là “*Niết-bàn*”.

+ Bây giờ, Sự Thật Tuyệt Đối nghĩa là gì? Theo Phật giáo: “Sự Thật Tuyệt Đối là rằng: *không có điều gì là tuyệt đối trong thế giới, rằng mọi thứ đều là tương đối, có điều-kiện (hữu vi) và vô-thường; và rằng không có một thực-chất nào không thay đổi, thường hằng, tuyệt đối như kiểu một cái ‘Ta’ (bản ngã), một ‘Linh hồn’ hay một Atman nào ở bên trong hay bên ngoài.* Đây chính là Sự Thật Tuyệt Đối.

Đã là Sự Thật thì không bao giờ là phủ-định, mặc dù có một sự diễn đạt phổ biến như sự thật phủ định. Sự chứng ngộ Sự Thật này, tức là *nhìn thấy mọi sự “đúng như chúng thực là” (yathābhūtam)* chứ không còn ảo-tưởng hay vô-minh (*avijja*),¹⁹ là *sự dập tắt dục-vọng (tanhākkhaya)*, và là *sự chấm-dứt (nirodha)* sự Khổ, đó là *Niết-bàn*.

Một điều thú vị và hữu ích để nhớ là: quan điểm của Phật giáo Đại thừa thì “*Niết-bàn là không khác với luân-hồi sinh tử (samsāra)*”.²⁰ Cũng như vậy, Niết-bàn hay luân-hồi sinh tử chỉ là một, tùy theo cách nhìn của bạn—là chủ-quan (*mê chấp*) hay khách-quan (*tỉnh ngộ*). Quan điểm này của Đại thừa có lẽ đã được

¹⁸ S V (PTS), trang 369.

¹⁹ Đối chiếu kinh *Lăng-Già* (Lanka), trang 200: “*Này Mahamati, Niết Bàn nghĩa là nhìn thấy trạng thái của mọi sự ‘đúng như chúng thực là.’*”

²⁰ Ngài Long Thọ (Nagarjuna) đã nói rõ rằng: “*Luân hồi sinh tử không gì khác với Niết Bàn và Niết Bàn không gì khác với Luân hồi sinh tử.*” (Madhya, Kari XXV, 19).

phát triển từ những ý-tưởng được thấy có trong các kinh Pāli của Phật giáo Nguyên thủy (*Theravada*) mà ta vừa thảo luận ngắn gọn kể trên.

Tuy nhiên, nếu nghĩ rằng Niết-bàn là kết quả tự nhiên của sự dập tắt dục-vọng thì lại là không đúng! Niết-bàn không phải là kết quả của bất cứ điều gì. Giả sử, nếu như Niết-bàn là một kết quả thì đúng lẽ nó phải là một quả của nhân (*theo lý nhân quả*); và nếu vậy thì theo lý nó là hữu-vi (*samkhata*), là một hệ quả tác động của một nhân mà có. Nhưng Niết-bàn không phải là nhân hay quả. Niết-bàn vượt ra ngoài lý nhân-quả. *Sự Thật (Chân Lý) thì không phải là một kết quả hay hệ quả của thứ gì. Niết-bàn thì không phải được tạo ra như một trạng thái tâm linh huyền vi giống như trạng thái các tầng thiền định hay sự định-tâm (jhana, hay samādhī). CHÂN LÝ LÀ CHÂN LÝ. NIẾT-BÀN LÀ NIẾT-BÀN. Điều duy nhất bạn có thể làm là nhìn-thấy nó, chứng ngộ nó.*

Có một Con Đường (đạo) dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn. Nhưng Niết-bàn không phải là kết quả của Con Đường này.²¹ Bạn có thể leo lên núi theo một con-đường, nhưng ngọn núi không phải là kết quả hay là một cái gì do con-đường tạo ra. Bạn có thể nhìn thấy ánh sáng, nhưng ánh sáng không phải là kết quả của con mắt của bạn. (*Núi là như vậy. Ánh sáng là như vậy. Bạn phải leo lên đỉnh núi hoặc phải nhìn thấy ánh sáng. Dù bạn có leo hay nhìn, hoặc không leo không nhìn, thì núi vẫn là núi, ánh sáng vẫn là ánh sáng. Đó là Sự Thật, Chân Lý, là Hiện Thực chứ không phải là một kết quả của một sự ‘leo’ hay ‘nhìn’ nào cả.*)

²¹ Một điều rất hữu ích nên nhớ: Trong *Chín Pháp Siêu Việt (navalo-kuttara-dhamma)*, Niết-bàn là siêu việt, vượt trên cả Thánh Đạo (magga Đạo) và Thánh Quả (phala).

+ Nhiều người vẫn thường hỏi: Vậy sau Niết-bàn là đến cái gì? Câu hỏi này không thể nào nên đặt ra, bởi vì Niết-bàn là *Sự Thật Tột Cùng*. Và khi nó đã là Tột Cùng (tối hậu), thì chẳng có gì còn ở sau nó nữa. Nếu có bất cứ gì ở sau Niết-bàn, thì chính cái đó mới là Sự Thật Tột Cùng chứ không phải Niết-bàn.

Một du sĩ tên Radha đặt câu hỏi này với Đức Phật theo một cách khác: “Mục-đích (hay kết cuộc) của Niết-bàn là gì?” Câu hỏi này đã có ý giả định trước là có một cái gì đó *sau Niết-bàn*, do nó cứ chỉ về ‘cái’ mục-đích hay kết-cuộc đối với Niết-bàn. Vì vậy, Đức Phật trả lời ông ta rằng:

*“Này Rādhā, câu hỏi này không thể bắt được giới hạn của nó, (tức là câu hỏi này không hợp lý, ngoài lẽ). Một người sống đời tâm linh coi Niết-bàn như là cú nhảy cuối cùng [vào Sự Thật Tuyệt Đối] như là mục tiêu, là kết-cuộc tối hậu (của đời sống tâm linh đó).”*²²

+ Một số diễn dịch phổ biến nhưng không đúng như: “Đức Phật nhập vào Niết-bàn” hay “Phật đã nhập Bát-Niết-bàn sau khi Phật mất” ... đã làm phát sinh rất nhiều sự tưởng-tượng và suy-đoán về Niết-bàn.²³

Một khi bạn nghe “Đức Phật nhập vào Niết-bàn hay nhập Bát-Niết-bàn”, thì bạn sẽ coi Niết-bàn là một ‘trạng thái’ hay một ‘địa

²² S III (PTS) trang 189.

²³ Nhiều người đã viết: “*sau Niết-bàn (Nibbana) của Đức Phật*” thay vì viết là: “*sau Bát-Niết-bàn (Parinibbana) của Đức Phật*”. Đúng ra, “*sau Niết Bàn (Nibbana) của Đức Phật*” thì không có nghĩa gì cả và cách diễn đạt này không có trong kinh văn Phật giáo. Trong các Tạng Kinh, lời diễn đạt luôn luôn là “*sau Bát-Niết-bàn của Đức Phật*” (tức là *sau khi Phật bát-niết-bàn=sau khi niết-bàn cuối cùng của Phật*).

hạt’, một ‘nước’, một ‘cõi’, hay một ‘cảnh giới’ mà ở đó có nhiều thứ hiện hữu, rồi sau đó bạn lại cố gắng hình dung tưởng tượng ra cái ‘cảnh giới’ đó theo ý nghĩa và khái niệm của thế gian mà bạn đang dùng ở trần gian bạn đang sống! Cách nói “*nhập*”, “*nhập vào Niết-bàn*” là hoàn toàn được ghi trong Ba Tạng Kinh Điển của Phật giáo nguyên thủy. Trong kinh văn Phật giáo không hề có chữ nào gọi là “*nhập*, hay *nhập vào Niết-bàn sau khi chết*”.

Có một chữ là “*Parinibbuto*” đã được dùng để chỉ về cái chết của một vị Phật hay vị A-la-hán đã chứng ngộ Niết-bàn, nhưng nó cũng không có nghĩa là “*nhập vào Niết-bàn*”. “*Parinibbuto*” chỉ có nghĩa là: “*hoàn toàn biến mất*”, “*hoàn toàn bị thổi tắt*”, hay “*hoàn toàn tắt ngấm*“, bởi vì Phật hay một vị A-la-hán không còn sự tái hiện-hữu sau khi chết. (*Parinibbana* (*bát niết-bàn*) có nghĩa đơn giản là ‘*Niết-bàn cuối cùng*’, chỉ sự niết-bàn của một A-la-hán khi chết.)

+ Rồi lại có câu hỏi khác được đặt ra là: “Điều gì xảy ra đối với một vị Phật hay một vị A-la-hán sau khi chết, sau *bát-Niết-bàn* (*parinibbana*)?” Câu hỏi này cũng thuộc diện những câu hỏi không được trả lời (*avyākata*).²⁴ Ngay cả khi Đức Phật nói về điều này, Phật muốn chỉ ra rằng không có ngôn từ nào trong vốn từ vựng của chúng ta có thể diễn tả được “điều gì” xảy ra đối với một vị A-la-hán sau khi chết.

Khi trả lời Vaccha, một du sĩ ngoại đạo, Phật nói rằng điều khoản “sinh” và “không sinh” không áp dụng cho vị A-la-hán bởi vì các uẩn ‘sắc, thọ, tưởng, hành, thức’ liên kết với “sinh” và

²⁴ S IV (PTS) trang 375.

“không sinh” đã hoàn toàn bị tiêu diệt và bùng bỏ tận gốc, không còn tái khởi sinh sau khi chết.²⁵

Một vị A-la-hán sau khi chết thường được so sánh như là ‘một ngọn lửa tắt đi khi củi đốt đã cháy hết’, hay như ‘một ngọn đèn tắt đi khi dầu cạn, tim hết’.²⁶

Ở đây cần phải hiểu một cách rõ ràng, rạch ròi, không nhầm lẫn rằng: Cái được ví với ngọn lửa hay ngọn đèn tắt đi cũng *không phải* là *Niết-bàn*, mà cái được ví với lửa tắt đi chính là cái ‘cá thể’ hay ‘con người’ được cấu thành bởi Năm Uẩn giờ đã chứng ngộ *Niết-bàn*. Điểm này cần được nhấn mạnh vì rất nhiều người, ngay cả một số học giả uyên bác, đã hiểu lầm và diễn dịch sai cái ‘*ví dụ để chỉ về Niết-bàn*’ này của Đức Phật. *Niết-bàn không bao giờ được so sánh với một ngọn lửa hay một ngọn đèn tắt đi!*

+ Một câu hỏi phổ biến nữa là: Nếu không có một cái ‘*Ta*’ hay một bản ‘*ngã*’ (*Atman*), thì ‘*ai*’ chứng ngộ *Niết-bàn*? Trước khi nói tiếp về *Niết-bàn*, chúng ta hãy tự hỏi một câu là: Nếu không có cái ‘*Ta*’, thì ‘*ai*’ đang nghĩ ngay bây giờ? Chúng ta đã biết được trước đây, rằng cái ý-nghĩ chính nó là người-nghĩ, rằng không có người-nghĩ đằng sau ý-nghĩ. Tương tự như vậy, chính “*trí-tuệ*” (*pañña*), chính “*sự chứng-ngộ*” chứng ngộ *Niết-bàn*. Không có bất cứ ‘*ai*’ đằng sau sự chứng ngộ đó.

Khi chúng ta thảo luận trong chương trước về *nguồn-gốc của Khổ* (*dukkha*) chúng ta đã thấy rằng, bất cứ thứ gì—dù là một sự vật, một sự sống, hay một hệ thống—nếu nó thuộc bản chất khởi-sinh, thì cũng có trong nó bản chất mầm móng của sự chấm-dứt.

²⁵ M I (PTS), trang 486.

²⁶ Ibid. I, trang 487; III trang 245; Sn (PTS), Volume.232 (trang 41).

(Cái gì có sinh là có diệt). Vậy bây giờ thì sự *Khổ* (*dukkha*), vòng luân-hồi (*samsāra*) đều có tính chất khởi-sinh, thì theo lý đó tự có tính chất biến-diệt. Sự *Khổ* (*dukkha*) khởi-sinh là do có *Dục-Vọng* (*tanhā*) gây ra, và nó chấm-dứt được là do có *Trí-Tuệ* (*pañña*). “*Dục-vọng*” và “*Trí-tuệ*” đều nằm trong Năm-Uẩn, như chúng ta đã biết trước đây.²⁷

Như vậy, mầm mống khởi sinh chúng cũng nằm trong Năm-Uẩn và cũng như sự chấm-dứt của chúng cũng nằm trong Năm-Uẩn. Đây là ý nghĩa chân thực của lời Phật dạy:

“*Chính ngay trong thân dài một fathom này (fathom là đơn vị đo chiều dài, khoảng 1.82m), ta tuyên bố về thế giới, về sự khởi-sinh của thế giới, về sự chấm-dứt của thế giới, và về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt thế giới.*”²⁸

Điều này có nghĩa rằng: tất cả bốn Sự Thật của Bốn Diệu Đế đều được tìm thấy trong Năm-Uẩn, nghĩa là *ngay bên trong ta*. [Ở đây, danh từ “*thế giới*” (*loka*) được Phật dùng thay cho danh từ *dukkha*: “*khổ*”]. Điều này cũng có nghĩa rằng, không có một thế-lực nào bên ngoài tạo ra sự khởi-sinh và sự chấm-dứt của *Khổ*. (Không có một năng lực tạo hóa nào sinh *Khổ* và diệt *Khổ*.)

Khi trí-tuệ được tu tập và phát triển theo Bốn Diệu Đế [đề tài này sẽ được thảo luận trong phần kế tiếp] thì trí-tuệ sẽ nhìn thấy được bí-mật của sự-sống, nhìn thấy thực-chất của mọi sự ‘*đúng như chúng thực là*’. Khi bí mật đã được khám phá, khi Sự Thật đã được nhìn thấy, thì tất cả những nguồn-lực [vốn đã mạnh mẽ tạo ra sự

²⁷ Xem trang nói về “*Hành Uẩn*” trước đây. (Dục-vọng và trí-tuệ đều thuộc những sự tạo-tác của tâm, là hành uẩn.)

²⁸ A (Colombo, 1929) trang 218.

liên-tục của vòng luân-hồi sinh-tử trong mê-tưởng vô-minh] sẽ trở nên vắng-lặng, không còn khả năng đề tạo tác nghiệp; bởi vì không còn mê-tưởng vô-minh nên không còn dục-vọng muốn liên-tục hiện-hữu nữa. Giống như một căn bệnh về tâm sẽ được chữa trị chấm dứt sau khi nguyên-nhân hay bí mật của căn bệnh tâm thần đó được khám phá và nhìn thấy bởi bệnh nhân đó.

+ Trong hầu hết mọi tôn giáo, “*hạnh-phúc siêu việt*” (chữ Latinh “*summum bonum*”) thì chỉ có thể đạt được sau khi chết. Nhưng *Niết-bàn* thì có thể được chứng ngộ ngay trong đời này, không cần phải đợi đến lúc chết mới “đạt” được hay nếm trải được.

Người đã chứng ngộ được Sự Thật, *Niết-bàn*, là người hạnh-phúc nhất thế gian. Người đó đã thoát khỏi “những ô-hợp”, những ám-muội, những sự bắt-an và sự trói-buộc gây phiền khổ cho con người. Người đó có được ‘sức-khỏe tâm’ hoàn hảo. Người đó không hối tiếc quá-khứ, không bận tâm về tương-lai, mà sống trọn vẹn trong hiện-tại.²⁹

Do vậy, người đó trân trọng và vui sống mọi-sự theo một cảm-nhận tinh khiết nhất, không có sự tự mình phóng tâm này nọ. Người đó vui tươi, hoan hỷ, vui sống sự-sống thanh tịnh, với các giác-quan dễ chịu, không còn âu-lo, được tĩnh-lặng và bình-an.³⁰ Do người đó không-còn những sự tham, sân, si đầy ích kỷ, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự tự-cao tự-đại, và tất cả những “ô-nhiễm” (lậu hoặc) khác, cho nên người đó trong-sạch (thanh tịnh) và hiền-từ (nhẹ nhàng), đầy lòng từ-bi bao quát, sự tử tế, sự thông cảm, sự thấu-hiểu và sự bao-dung. Sự phục-vụ của người đó cho tha nhân là

²⁹ S I (PTS) trang 5.

³⁰ M II (PTS) trang 121.

thanh-khiết nhất, vì người đó đã không còn ý-nghĩ nào về cái ‘Ta’ (đã phá ngã). Người đó không thu-nạp thêm gì, không tích-lũy thêm gì, ngay cả những thứ thuộc về tâm linh, bởi vì người đó đã thoát khỏi cái ảo tưởng về cái ‘Ta’ và đã thoát khỏi mọi ‘dục-vọng’ muốn trở-thành này nọ.

+ Niết-bàn vượt trên mọi ngôn từ của nhị nguyên và so sánh đối đãi. Nó vượt khỏi những quan-niệm của chúng ta về xấu tốt, đúng sai, hiện-hữu hay không hiện-hữu, có hay không có. Ngay cả chữ “hạnh-phúc” (*sukha*) được dùng để mô tả Niết-bàn cũng hoàn toàn mang một nghĩa khác biệt ở đây (so với nghĩa phàm thường thế gian của nó). Thầy Xá-Lợi-Phất có lần đã nói: “*Này các đạo hữu, Niết-bàn là hạnh phúc! Niết-bàn là hạnh phúc!*”. Khi đó thầy Udāyi mới hỏi lại: “*Nhưng, này thầy Xá-Lợi-Phất, làm sao có hạnh-phúc gì khi không còn cảm-giác?*” Câu trả lời của ngài Xá-Lợi-Phất, thâm thúy về mặt triết học và vượt khỏi trên sự hiểu-biết phàm thường, như sau: “*Chính cái sự không còn cảm-giác đó mới là hạnh-phúc!*”

+ Niết-bàn vượt khỏi những logic và lý giải (*atakkāvacara*). Tuy nhiên, nhiều lúc chúng ta tham gia vào [thường chỉ như là trò tiêu khiển vô ích của trí thức hàn lâm] những thảo luận đầy tính suy đoán về Niết-bàn, về Sự Thật Tột Cùng hay Sự Thật, thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ hiểu được nó theo cách lý sự đó. Một đứa bé trong nhà trẻ thì không nên tranh cãi về *Thuyết Tương Đối* (một học thuyết nổi tiếng của nhà bác học Einstein). Thay vì vậy, nếu cậu bé cứ nên theo đuổi sự học tập của mình một cách kiên-nhẫn và chuyên-cần, một ngày nào đó cậu ta sẽ hiểu được *Thuyết Tương Đối* cao siêu đó.

Niết-bàn chỉ “*được chứng ngộ bởi những người có trí ngay bên trong họ*” (*paccattam veditabbo viññūhi*). Nếu chúng ta đi theo *Con*

Đường (Đạo) một cách kiên-nhẫn, với sự chuyên-cần, cùng với sự nỗ-lực (tinh tấn), tu tập và thanh lọc bản thân một cách nhiệt thành, và đạt tới những chứng-đắc tâm linh cần thiết (như những tầng thiền định, những thánh đạo và thánh quả), thì một ngày nào đó chúng ta có thể tự mình chứng ngộ Niết-bàn ngay bên trong mình—không cần bây giờ cứ làm khổ tâm mình bằng những ngôn từ đánh đố và cao siêu (về Niết-bàn) như vậy.

+ Và bây giờ, chúng ta hãy bước qua phần *Con-Đường* dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn (Diệu Đế về Đạo).